MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA BỊ BẮT NẠT QUA MẠNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

HÀ THỊ NGUYỆT
Trường Đại học Tân Trào

Nhận bài ngày 20/4/2025. Sửa chữa xong 27/4/2025. Duyệt đăng 4/5/2025.

Abstract

In the era of technology, children are exposed to the internet and social media at an early age. Besides the benefits that the online environment offers, they also face numerous potential risks that significantly impact their character development, such as bullying, violence, abuse, and fraud. This article surveys and provides an overview of the rate and severity of cyberbullying among secondary school students in Tuyen Quang City. Based on the findings, the author proposes several preventive measures to minimize cyberbullying, enhance students' adaptability, and ensure a safe and healthy online environment for their development.

Keywords: *Cyberbullying, preventive measures, prevention of cyberbullying, secondary school students, Tuyen Quang city.*

1. Đặt vấn đề

Bắt nạt qua mạng (BNQM) là hình thức bắt nạt gián tiếp, xảy ra khi một người hoặc một nhóm người (thủ phạm) thực hiện hành vi bắt nạt thông qua các tiện ích và ứng dụng trên Internet hướng tới việc làm tổn thương tinh thần, tâm lí của người khác (nạn nhân) một cách có chủ ý, lặp đi, lặp lại và có thái độ đe dọa, thù địch [1]. Những cá nhân thực hiện hành vi bắt nạt được gọi là thủ phạm BNQM và những cá nhân bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hành vi này được gọi là nạn nhân BNQM. Khái niệm nạn nhân hóa BNQM (cybervictimisation) xuất hiện vào những năm 2000 song song với thủ phạm BNQM. Nạn nhân BNQM là những cá nhân bị bắt nạt trên mạng lặp đi, lặp lại và được coi là kém mạnh mẽ hơn so với thủ phạm BNQM. Trong từ điển tiếng Việt, từ "bị" dùng để biểu thị chủ thể là đối tượng chịu sự tác động của việc không hay, không có lợi đối với mình. Bị BNQM là trạng thái trong đó cá nhân chịu tổn thương bởi hành vi cố ý sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin với mục đích xấu của thủ phạm.

Khảo sát của UNICEFF (2022) tại Việt Nam có 93% trẻ 14-15 tuổi sử dụng Internet, 21% thanh thiếu niên Việt Nam tham gia khảo sát cho biết họ bị BNQM và có tới 75% học sinh (HS) không biết về đường dây nóng hoặc các dịch vụ hỗ trợ họ nếu bị BNQM [2]. Các kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, bị BNQM ở HS có thể ảnh hưởng đến nhiều mặt như: kết quả học tập, tỉ lệ bỏ học, các tổn thương tinh thần, trầm cảm, tự tử, cô đơn, sự gia tăng của các hành vi gây hấn, tăng cảm giác lo lắng xã hội, bất an, mặc cảm, trốn tránh xã hội [1], [3-6].

Nghiên cứu này khảo sát thực trạng tỉ lệ HS bị BNQM ở các trường THCS tại thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, từ đó đề xuất một số biện pháp giáo dục phòng ngừa bị BNQM cho HS THCS.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận bao gồm: phân tích, tổng hợp, so sánh các tài liệu. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn bao gồm phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động, phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi được thực hiện vào tháng 2/2025 trên 372 HS tại 3 trường THCS tại thành

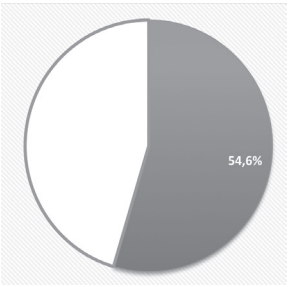
Email: hanguyet.dhtt@gmail.com

phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, bao gồm: Trường THCS Phan Thiết, Trường THCS Bình Thuận và Trường THCS Hồng Thái. Số liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê kết hợp với phân tích nội dung.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát thực trạng tỉ lệ học sinh bị bắt nạt qua mạng ở các trường trung học cơ sở tại thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Chúng tôi đưa ra 19 hành vi liên quan đến BNQM và đưa ra 5 mức độ (Rất thường xuyên; Thường xuyên; Thỉnh thoảng; Hiếm khi; Không bao giờ). Chúng tôi xác định những HS có câu trả lời ở mức độ thường xuyên ở ít nhất một hành vi hoặc ở mức độ thỉnh thoảng cho ít nhất hai hành vi được coi là bị BNQM. Chúng tôi xác định như vậy bởi tính chất lặp lại của hành vi BNQM để lại hậu quả rất lớn, khi những hành ảnh, tin nhắn, đoạn phim, bài viết sẽ được lan truyền với tốc độ nhanh, với mục đích gây hại sẽ gây tổn thương lớn. Với cách quy ước này, chúng tôi đã xác định được 203/372 HS tương đương tỉ lệ 54,6% HS THCS ở TP. Tuyên Quang bị BNQM. Kết quả được minh họa ở biểu đồ 1.

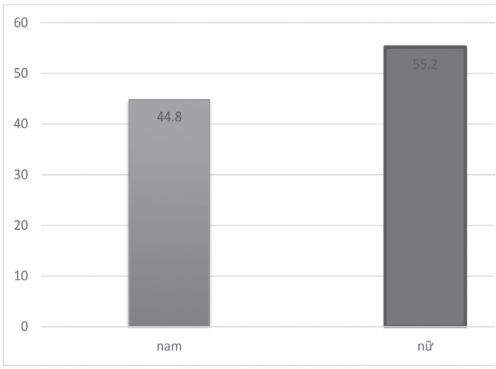


Biểu đồ 1: Tỉ lệ HS bị bắt nạt qua mạng ở các trường THCS tại thành phố Tuyên Quang

Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu của Nguyễn Thanh Thoảng, Mai Thị Thanh Thúy (2018) với 40,7% [6]; Hồ Thị Trúc Quỳnh, Nguyễn Thị Hoa (2024) với 58,8% [5]. Như vậy có thể thấy, tỉ lệ bị BNQM ở HS THCS ở mỗi khu vực khác nhau là không giống nhau. Điều này có thể xuất phát từ những đặc điểm khác biệt về đặc điểm văn hóa, xã hội ở từng khu vực cũng như thời điểm tiến hành khảo sát ở các nghiên cứu.

Về tỉ lệ HS bị BNQM ở các trường THCS tại thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang theo giới tính được thể hiện qua biểu đồ 2.

So sánh tỉ lệ bị BNQM ở HS THCS tại thành phố Tuyên Quang theo giới tính có thể thấy, tỉ lệ HS nữ bị BNQM cao hơn so với HS nam (55,2% so với 44,8%). Sự chênh lệch này có thể giải thích do những khác biệt về đặc điểm tâm lý xã hội ở HS nam và HS nữ: các HS nữ thường yếu đuối và dễ bày tỏ, chia sẻ những vấn đề cá nhân, do đó cũng dễ dẫn tới việc có thể có nguy cơ bị BNQM cao hơn so với HS nam. Kết quả này tương ứng với kết quả nghiên cứu của Kasahara và cộng sự (2019) [7]; Dựa trên các nghiên cứu trước đây chúng tôi giải thích kết quả này là do các em gái có xu hướng chia sẻ các thông tin cá nhân trên các trang mạng xã hội nhiều hơn [8], điều này làm gia tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của BNQM. Hơn nữa, các nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng HS nữ có xu hướng rơi vào các hình thức bắt nạt gián tiếp như trêu chọc, lan truyền tin đồn hay cô lập hơn HS nam [9]. Ngoài ra, chuẩn mực giới cũng có thể ảnh hưởng đến các hình thức bắt nạt ở HS [10]. Do chuẩn mực giới khiến các bé trai chịu các hình thức bắt nạt trực tiếp nhiều hơn, trong khi các bé gái chịu các hình thức bắt nạt gián tiếp nhiều hơn.



Biểu đồ 2: Tỉ lệ HS bị bắt nạt qua mạng theo giới tính ở các trường THCS thành phố Tuyên Quang

Thực trạng trên cho thấy, tỉ lệ HS THCS tại thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang bị bắt nạt khá cao và ở cả hai giới, trong đó giới nữ bị bắt nạt nhiều hơn nam nhưng sự khác biệt không quá lớn. Thực trạng trên có thể dẫn đến nhiều nguy cơ và hệ lụy ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất và tinh thần của HS THCS. Để xây dựng môi trường học đường an toàn, phù hợp với sự phát triển tâm lí HS THCS và

trước những yêu cầu của xã hội đặt ra trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi nghiên cứu đề xuất một số biện pháp giáo dục sau:

3.2. Một số biện pháp giáo dục phòng ngừa bị bắt nạt qua mạng cho học sinh trung học cơ sở tại thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

3.2.1. Nâng cao nhận thức về bắt nạt qua mạng và phòng ngừa bị bắt nạt qua mạng cho học sinh

Hình thành nhận thức là khâu đầu tiên của quá trình giáo dục giúp HS có hiểu biết về BNQM (nguyên nhân, hậu quả, các yếu tố ảnh hưởng, cách phòng tránh bị BNQM, các quy định về sử dụng môi trường mạng an toàn…). Từ đó, giúp nhà trường xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh không những trong các điều kiện thực tế mà còn giúp HS tương tác an toàn trên môi trường mạng.

Nhà trường trang bị cho HS các kiến thức cơ bản về BNQM (Khái niệm, đặc điểm, hình thức BNQM, nguyên nhân, hậu quả tâm lí xã hội, sức khỏe khi bị BNQM, sự khác biệt giữa bắt nạt trực tiếp và BNQM); Kỹ năng nhận diện và phòng ngừa bị BNQM (các dấu hiệu nhận biết HS bị BNQM; cách thức phòng tránh; kỹ năng ứng xử, tương tác trên môi trường mạng); Các quy định của pháp luật về sử dụng và bảo vệ an toàn trên môi trường mạng; Các cách ứng phó khi bị BNQM; Vai trò của HS trong hỗ trợ các HS bị BNQM.

Để thực hiện biện pháp, các trường THCS thành phố Tuyên Quang cần tổ chức các buổi tập huấn, diễn đàn trao đổi cũng như các buổi thảo luận cho HS về chủ đề này; Tích hợp giáo dục về BNQM trong các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường cho HS; Xây dựng nội quy trường học có nội dung này và có thể xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên mạng cho HS, yêu cầu HS ký cam kết thực hiện; Sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong tuyên truyền nâng cao nhận thức và cảnh báo khi HS bị BNQM.

Để thực hiện biện pháp có hiệu quả, Ban Giám hiệu nhà trường cần nghiên cứu, đề xuất với các đơn vị quản lí cấp trên, có sự ủng hộ, đồng thuận của các cấp và các lực lượng giáo dục. Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát cảnh báo sớm các dấu hiệu HS bị BNQM. Tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục về phòng ngừa bị BNQM sao cho phong phú về nội dung và đa dạng về hình thức thể hiện, dễ nhớ, dễ hiểu để HS có thể nhận thức, ghi nhớ sâu sắc.

3.2.2. Tổ chức hoạt động giáo dục phòng ngừa bị bắt nạt qua mạng cho học sinh theo các chủ đề chuyên biệt

Biện pháp này giúp HS hiểu rõ về BNQM, nhận diện các hình thức, nguyên nhân và hậu quả của hành vi này, đồng thời trang bị cho HS các kỹ năng phòng tránh và ứng phó khi gặp phải tình huống BNQM. Từ đó góp phần rèn các kỹ năng khác cho HS như hợp tác, giải quyết vấn đề, giao lưu, ứng xử văn minh trên môi trường mạng. Tạo sự kết nối giữa nhà trường, GV, HS, phụ huynh, các tổ chức xã hội trong giáo dục và bảo vệ HS khỏi nguy cơ xấu trên mạng Internet.

Nhà trường xây dựng một số chủ đề giáo dục chuyên biệt cho HS về nội dung này như: Nhận diện các hình thức BNQM/Nguyên nhân và hậu quả của BNQM/Kỹ năng phòng ngừa BNQM/Ứng phó khi bị BNQM/Trách nhiệm của HS trong phòng chống BNQM.

Nhà trường tổ chức giáo dục cho HS theo từng chủ đề đã xác định theo lớp/theo câu lạc bộ… Sử dụng các phương pháp và hình thức giáo dục đa dạng như: Giảng giải, giáo dục phòng ngừa bị BNQM dựa trên tình huống, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, video clip…

Lãnh đạo trường cần đưa nội dung giáo dục phòng ngừa bị BNQM cho HS vào kế hoạch giáo dục chung của trường trong năm học; phân công, chỉ đạo GV xây dựng thiết kế hoạt động giáo dục phù hợp đặc điểm tâm lí, quy mô tổ chức. GV cần có năng lực thực hiện các nội dung này (hiểu biết, cách thức tổ chức, kỹ thuật tổ chức…). Cần huy động phối hợp các lực lượng giáo dục để đạt được hiệu quả tối ưu.

3.2.3. Tích hợp giáo dục phòng ngừa bị bắt nạt qua mạng cho học sinh thông qua hoạt động dạy học và giáo dục phù hợp

Tích hợp là xu thế giáo dục hiện nay nhằm liên kết các nội dung học tập, giảng dạy của cùng một lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau cùng trong một kế hoạch giáo dục nhằm đạt được các mục tiêu

chung. Giáo dục phòng ngừa bị BNQM cho HS THCS theo hướng tích hợp là quan điểm giáo dục hiện đại, phù hợp với xu thế giáo dục hiện nay giúp cho các nội dung giáo dục phòng ngừa bị BNQM cho HS được thể hiện ngay trong các bài học và hoạt động giáo dục phù hợp, giúp các nội dung giáo dục được tác động tới người học liên tục và có tính kết nối với các kiến thức liên quan khác, giúp HS ghi nhớ và trải nghiệm các nội dung này một cách sâu sắc.

GV thực hiện tích hợp giáo dục phòng ngừa bị BNQM cho HS THCS thông qua hoạt động dạy học các môn học như: Giáo dục công dân (tích hợp kiến thức về quyền riêng tư, trách nhiệm công dân số và các quy định của pháp luật về hành vi BNQM; Hoạt động trải nghiệm (tích hợp vào các nội dung hướng đến bản thân, hướng đến xã hội, hướng đến cộng đồng); Tin học (tích hợp hướng dẫn kỹ năng bảo vệ thông tin cá nhân, quản lí mật khẩu, cách tạo mật khẩu mạnh, nhận diện các rủi ro trên môi trường mạng…); Nghệ thuật (tích hợp các nội dung thông qua các chủ đề vẽ tranh hoặc âm nhạc…); Ngữ văn (tích hợp phân tích các nội dung liên quan đến văn hoá ứng xử, giao tiếp trên môi trường mạng…); Tích hợp giáo dục phòng ngừa bị BNQM cho HS THCS thông qua các hoạt động giáo dục tập thể/hoạt động ngoài giờ lên lớp (các chủ đề giáo dục phòng tránh xâm hại/ kỹ năng sử dụng Internet an toàn/ Ứng xử văn minh/Xây dựng tình bạn học đường/Giáo dục kỹ năng…).

Nhà trường có sự chỉ đạo cụ thể tới GV, GV nghiên cứu, lựa chọn các nội dung dạy học/giáo dục tích hợp lồng ghép giáo dục phòng ngừa bị BNQM cho HS một cách phù hợp. Lập kế hoạch dạy học/giáo dục tích hợp. Tổ chức thực hiện kế hoạch và kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng của HS.

Các điều kiện để thực hiện biện pháp: Phải có sự chỉ đạo và thực hiện thống nhất trong toàn trường, GV phải có năng lực dạy học/giáo dục tích hợp và chủ động, tích cực thực hiện tích hợp giáo dục vì mục tiêu phát triển của HS; HS chủ động, tự giác, tích cực tham gia, có sự hỗ trợ từ các lực lượng giáo dục và đảm bảo các điều kiện vật chất cho thực hiện dạy học/giáo dục tích hợp đạt được hiệu quả.

3.2.4. Phát huy vai trò của phòng tư vấn học đường trong hỗ trợ phòng ngừa bị bắt nạt qua mạng cho học sinh

Hoạt động tư vấn tâm lí học đường có vai trò đặc biệt quan trọng đối với hoạt động giáo dục HS ở trường THCS nói riêng, HS phổ thông nói chung. Để phòng ngừa bị BNQM cho HS, các trường THCS tại thành phố Tuyên Quang cần phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị giúp nhà trường sàng lọc, đánh giá, dự báo và nhận diện các hình thức bị BNQM cho HS. Đồng thời xây dựng các chương trình phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ bị xâm hại nói chung trên môi trường mạng giúp HS nâng cao nhận thức về BNQM. Phát hiện sớm và can thiệp kịp thời các trường hợp HS bị BNQM (nếu có).

Đối với HS, hoạt động tư vấn học đường phòng ngừa bị BNQM tập trung vào các nội dung như xây dựng các chương trình nâng cao năng lực xã hội cho HS (nhận diện phát hiện đối tượng bắt nạt; ứng phó khi bị BNQM; tìm kiếm sự trợ giúp khi bị BNQM. Đối với cha mẹ HS: Phòng tư vấn học đường thực hiện các buổi đào tạo kỹ năng làm cha mẹ cho phụ huynh HS: kết nối với con, lắng nghe, đồng hành, nhận biết những biểu hiện, dấu hiệu khác thường trong tâm lí, hành vi của HS khi gặp các sự cố/bị BNQM; cách giúp con vượt qua khủng hoảng khi bị BNQM, cách tìm kiếm sự trợ giúp…). Đối với GV: phòng tư vấn học đường tham mưu và thực hiện các buổi đào tạo GV về những kiến thức liên quan đến BNQM, nhận biết HS bị BNQM, cách xử lí khi HS bị BNQM; kỹ năng tư vấn, kết nối, giao tiếp với HS; thiết lập mối quan hệ với cha mẹ HS và các lực lượng giáo dục… nhằm phát hiện sớm và phòng ngừa, xử lí kịp thời các vấn đề HS bị BNQM.

Phòng tư vấn học đường ở trường THCS cần có đội ngũ cố vấn chuyên môn và lựa chọn những thành viên có kiến thức về tư vấn học đường và an toàn mạng. Có phòng tư vấn học đường riêng và được thiết kế phù hợp cho không gian của các buổi tư vấn. Có thể xây dựng kênh tư vấn online kết hợp tư vấn trực tiếp để có thể phản ứng nhanh hoặc tiện lợi cho HS khi cần kết nối, hỗ trợ. Liên kết với các tổ chức bảo vệ trẻ em để mở rộng phạm vi hỗ trợ. Tổ chức các khóa tập huấn cho HS, phụ huynh, GV; Tổ chức tham vấn cá nhân/nhóm/tập thể…

Phòng tư vấn học đường cần được duy trì và phát triển để hoạt động có hiệu quả, có đội ngũ tư vấn

có chuyên môn sâu, hiểu biết về công nghệ thông tin, truyền thông cũng như có các điều kiện về cơ sở vật chất, công nghệ hỗ trợ, sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình của các lực lượng xã hội nhất là phụ huynh HS để giáo dục phòng ngừa bị BNQM cho HS mới thực sự đạt được các kết quả tốt.

3.2.5. Phối hợp với các lực lượng giáo dục trong giáo dục phòng ngừa bị bắt nạt qua mạng cho học sinh

Biện pháp này giúp tạo ra môi trường giáo dục đồng bộ, thống nhất giữa nhận thức và hành động, tạo thành sức mạnh tổng hợp giúp HS phòng ngừa bị BNQM.

Giáo dục gia đình là nền tảng đầu tiên trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người. Do vậy, sự quan tâm, kết nối, đầm ấm của gia đình cùng với bầu không khí tâm lí vui vẻ, hạnh phúc sẽ là môi trường quan trọng đầu tiên cho HS có nhân cách lành mạnh, từ đó ít chịu các tác động ảnh hưởng mạnh từ bên ngoài đến trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hình thành kỹ năng xã hội, phòng ngừa bị BNQM ở HS. Nhà trường phải là môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, xây dựng tình bạn, tình thầy trò gắn bó, tạo sân chơi bổ ích, phù hợp giúp các em phát triển nhân cách toàn diện, ngăn chặn, đẩy lùi các nguồn thông tin xấu, giúp HS có môi trường học tập trong sạch, lành mạnh phòng ngừa bị BNQM. Các tổ chức xã hội khác phối hợp với nhà trường trong tổ chức hoạt động cũng như thực hiện chiến dịch tuyên truyền cho HS phù hợp với chức năng, nhiệm vụ để giáo dục nhận thức, hành vi phòng ngừa bị BNQM cho HS. Muốn vậy, cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng phải thực hiện phối hợp thống nhất giữa nhà trường – gia đình và xã hội trong giáo dục, phòng ngừa bị BNQM cho HS THCS. Xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng với các lực lượng giáo dục. Tổ chức thực hiện kế hoạch và có các đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động. Cho nên, muốn thực hiện biện pháp có hiệu quả, nhà trường phải giữ vai trò nòng cốt trong giáo dục phòng ngừa bị BNQM cho HS THCS, chủ động phối hợp với các lực lượng giáo dục. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức phối hợp phù hợp với các điều kiện thực tiễn. Chủ động tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa bị BNQM cho các lực lượng giáo dục. Đồng thời xây dựng mạng lưới cộng tác trong từng đơn vị, tổ chức để kịp thời nắm bắt các vấn đề BNQM ở HS và có các phương án can thiệp, xử lí kịp thời.

4. Kết luận

Như vậy, BNQM đang trở thành một thách thức nghiêm trọng đối với sự phát triển tâm lí, xã hội của HS THCS, đặc biệt trong bối cảnh bùng nổ của công nghệ thông tin, truyền thông hiện nay. Kết quả khảo sát khái quát tỉ lệ HS bị BNQM ở các trường THCS tại thành phố Tuyên Quang cho thấy, tỉ lệ HS bị BNQM khá cao và có sự khác biệt nhất định theo tỉ lệ giới tính. Thực trạng này phản ánh nhu cầu cấp thiết phải có những biện pháp giáo dục phòng ngừa HS khỏi bị BNQM nhằm bảo vệ HS khỏi những tổn thương về mặt tinh thần, đồng thời thúc đẩy sự phát triển toàn diện của các em. Dựa trên các nghiên cứu lí luận và thực tiễn, nghiên cứu đã đề xuất một số biện pháp phòng ngừa bị BNQM cho HS các trường THCS tại thành phố Tuyên Quang cụ thể như đã nêu trên. Các biện pháp này có mối quan hệ thống nhất, bổ sung cho nhau và cần phải được thực hiện đồng bộ, lâu dài, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu thực tiễn nhằm hình thành ở HS các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để nhận diện, phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với BNQM. Nghiên cứu cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải thực hiện tiếp theo như việc mở rộng phạm vi khảo sát, nghiên cứu sâu hơn về quá trình giáo dục phòng ngừa BNQM cho HS hay thực nghiệm đánh giá tính hiệu quả, tính khả thi của các biện pháp đề xuất nhằm xây dựng các chương trình phòng ngừa BNQM toàn diện cho HS, đáp ứng yêu cầu giáo dục HS trong thời đại ngày nay.

Chú thích

(*) Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang, Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Văn Công và cộng sự (2015), *Chiến lược ứng phó của học sinh với bắt nạt trực tuyến*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu giáo dục, tập 31(3), tr. 11-24.

[2] Child Prostitution in Asian Tourism, International Criminal Police Organization, United Nations International Children's Emergency Fund, "*Preventing Harmful Behavior - Evidence of Child Sexual Exploitation and Abuse Online" (Ngăn chặn hành vi gây hại*

- Bằng chứng về bọc lột và lạm dụng tình dục trẻ em trên môi trường mạng) safeonline.global, Aug. 3, 2022. https://safeonline.global/wp-content/uploads/2023/12/DH_Viet-Nam_Viet_ONLINE.pdf. [Accessed Dec 11, 2024].

[3] Hood, M., & Duffy, A. L. (2018), *Understanding the relationship between cyber-victimisation and cyber-bullying on Social Network Sites: The role of moderating factors (Hiểu mối quan hệ giữa nạn nhân hóa trên mạng và bắt nạt mạng trên các trang mạng xã hội: Vai trò của các yếu tố điều tiết)*, Personality and individual differences, Vol 133, pp. 103-108.

[4] John, A., Glendenning, A. C., Marchant, A., Montgomery, P., Stewart, A., Wood, S., ... & Hawton, K. (2018), *Self-harm, suicidal behaviours, and cyberbullying in children and young people: Systematic review (Tự hại, hành vi tự tử và bắt nạt mạng ở trẻ em và thanh thiếu niên: Tổng quan hệ thống)*, Journal of medical internet research, 20(4), e9044.

[5] Hồ Thị Trúc Quỳnh, Nguyễn Thị Hoa (2024), *Thích nghi thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến dành cho trẻ vị thành niên*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học Giáo dục, tập 69(1), tr. 57-64.

[6] Nguyễn Thanh Thoảng, Mai Thị Thanh Thúy (2018), *Bắt nạt trên mạng và các yếu tố liên quan ở học sinh Trường Trung học cơ sở Đức Huệ, tỉnh Long An,* Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh, tập 22(1), tr. 62-67.

[7] Kasahara G.M., Houlihan D. and Estrada C. (2019), *Gender differences in social media use and cyberbullying in belize: A preliminary report (Khác biệt giới tính trong việc sử dụng mạng xã hội và hành vi bắt nạt mạng tại Belize: Báo cáo sơ bộ)*, International Journal of Psychological Studies. Vol. 11 (2), pp. 32. DOI: 10.5539/ijps.v11n2p32.

[8] Chan C.K. and Virkki J. (2014), *Perspectives for sharing personal information on online social networks (Quan điểm về việc chia sẻ thông tin cá nhân trên các mạng xã hội trực tuyến),* Social Networking. Vol. 3 (01), pp. 41- 49. DOI: 10.4236/sn.2014.31005.

[9] Griezel L., Finger L.R., Bodkin-Andrews G.H., Craven R.G. and Yeung A.S. (2012), *Uncovering the structure of and gender and developmental differences in Cyber Bullying (Khám phá cấu trúc và sự khác biệt giới tính cũng như sự phát triển trong bắt nạt mạng),* The Journal of Educational Research. Vol. 105 (6), pp. 442-455.

[10] Weber A.M., Cislaghi B., Meausoone V., Abdalla S., Mejía-Guevara I., Loftus P.,Hallgren E., Seff I., Stark L., Victora C.G., Buffarini R., Barros A.J.D., Domingue B.W., Bhushan D., Gupta R., Nagata J.M., Shakya H.B., Richter L.M., Norris S.A.,… Rao Gupta G. (2019), *Gender norms and health: Insights from global survey data (Chuẩn mực giới tính và sức khỏe: Những hiểu biết từ dữ liệu khảo sát toàn cầu),* The Lancet. Vol. 393 (10189), pp. 2.455- 2.468. DOI: 10.1016/S0140-6736(19)30765-2.

ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA TRẺ EM...

Tiếp theo trang 125

3.4. Bên cạnh việc duy trì mô hình Tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em 111 hiện nay, cần chuẩn hoá quy trình trợ giúp tâm lý, nghiên cứu, xây dựng thêm các mô hình có tính liên thông, linh hoạt, tạo mọi điều kiện cho nạn nhân của các vụ XHTDTE và gia đình trình báo cơ quan chức năng và tiếp nhận sự trợ giúp một cách nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả, tránh tình trạng phải đi nhiều cơ quan khác nhau để tìm kiếm sự hỗ trợ, chăm sóc y tế, tư vấn tâm lý và pháp lý. Bên cạnh đó, cần thiết kế các hoạt động xã hội và môi trường phù hợp cho trẻ em là nạn nhân của các vụ XHTDTE tái hòa nhập cộng đồng, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, giảm thiểu định kiến và kì thị xã hội đối với nạn nhân cũng như gia đình có người thân bị xâm hại.

4. Kết luận

Tóm lại, để giải quyết tình trạng XHTDTE cần sự quan tâm, phối hợp của Đảng, Nhà nước, các Bộ, các ngành, cùng với việc tiến hành đồng bộ các biện pháp khác nhau, trong đó hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân là một biện pháp mang tính khả thi, đảm bảo hiệu quả lâu dài.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2016), *Luật Trẻ em*, Luật số: 102/2016/QH13, ngày 05/4/2016.

[2] Mạng lưới toàn cầu về chấm dứt tình trạng bóc lột tình dục trẻ em (ECPAT), tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) và Văn phòng nghiên cứu của Quỹ nhi đồng LHQ (UNICEF) (2022), *Báo cáo Nghiên cứu ngăn chặn hành vi gây tổn hại tại Việt Nam [Hiện trạng] Bằng chứng về bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng*, Hà Nội.

[3] Lindsay C. Malloy, Allison P. Mugno, Jodi A. Quas (2016), *Familial Influences on Recantation in Substantiated Child Sexual Abuse Cases (Ảnh hưởng của gia đình tới việc rút lại lời khai trong các vụ án lạm dụng tình dục trẻ em),* Volume 21, Issue 3, Child Maltreat, National Institute of Child Health and Human Development, p. 256-2613.

[4] Huỳnh Văn Sơn, Giang Thiên Vũ, Lê Duy Hùng, Nguyễn Chung Hải (2022), *Thực trạng công tác tham vấn tâm lý cho trẻ bị lạm dụng tình dục tại một số tỉnh/thành phố ở Việt Nam,* Tạp chí Giáo dục, 22(13), tr. 21-27.

[5] Mai Thị Việt Thắng (2006), *Tìm hiểu và trợ giúp tâm lý đối với những trẻ em bị lạm dụng tình dục ở Mỹ,* Tạp chí tâm lý học, số 6 (87), tr. 50-56.